

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2026

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
- Địa chỉ: Số 1 Đường Cái Lân – P. Bãi Cháy – Tỉnh Quảng Ninh.
- Mã số doanh nghiệp: 5700688013 do sở Kế hoạch đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/11/2007 đăng ký thay đổi lần 9 ngày 06/05/2025.
- Số điện thoại: 0203.3512.866 /3512.868 Số fax: 0203.3512.899
- Email: info@cailanportinvest.com.vn Website: www.cailanportinvest.com.vn

1. Cơ cấu quản trị

* Về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đỗ Đức Ân	Chủ tịch HĐQT	24/6/2023	
2	Ông Nguyễn Văn Mạnh	TV HĐQT	24/6/2023	
3	Ông Thảm Hồng Sơn	TV HĐQT	24/6/2023	
4	Ông Đoàn Ngọc Tú	TV HĐQT	03/4/2024	
5	Bà Trần Thị Kiều Oanh	TV HĐQT	03/4/2024	

* Về thành viên Ban kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng BKS	03/4/2024	Thạc sỹ Quản lý kinh tế; Cử nhân kinh tế
2	Ông Vũ Mạnh Duy	TV BKS	11/4/2025	Cử nhân kế toán
3	Bà Đoàn Thu Huyền	TV BKS	03/4/2024	Cử nhân Quản trị kinh doanh

* Về thành viên Ban điều hành (BDH):

Stt	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Đoàn Ngọc Tú - Tổng giám đốc	09/4/1979	Thạc sỹ quản lý vận tải	- Ngày bổ nhiệm 25/6/2024. - Quyết định kéo dài thời gian giữ chức Tổng giám đốc số 06/QĐ-HĐQT, ngày 25/6/2025 của HĐQT - Quyết định bổ nhiệm lại Tổng giám đốc số 07/QĐ-HĐQT, ngày 19/8/2025
2	Ông Nguyễn Bá Sơn - Phó Tổng giám đốc	10/9/1970	Kỹ sư điều khiển tàu biển	Ngày bổ nhiệm lại 10/10/2024

* Về Trưởng phòng Tài chính kế toán:

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Đỗ Vũ Linh	15/01/1989	Thạc sỹ kinh tế - Học viện tài chính	20/11/2023

Người đại diện theo pháp luật:

+ Ông Đoàn Ngọc Tú

Tổng Giám đốc

+ Ông Đỗ Đức Ân

Chủ tịch HĐQT

2. Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

3. Cơ cấu tổ chức:

Tính đến 30/06/2026, cơ cấu tổ chức của CPI bao gồm: Ban điều hành và các Phòng chức năng: Phòng Đầu tư kinh doanh; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Tổ chức hành chính.

II.Đánh giá tình hình tài chính:

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của CPI

a) Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao:

Tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ năm 2025	KH năm 2026	TH năm 2026	TH/KH 20256 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)
1	Sản lượng hàng rời	Tấn	630.656	1.055.000	566.951	54%
	Sản lượng	Cont/	983	1.900	940	49%

		chuyến				
2	Doanh thu	Tr. đ	33.303	80.006	69.351	87%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	2.132	4.300	1.725	40%

Đánh giá:

Sản lượng hàng rời: 566.951 tấn bằng 54% so với kế hoạch năm và bằng 90% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng hàng container: 940 cont/chuyến bằng 49% kế hoạch và bằng 96% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu: 69.351 triệu đồng bằng 87% kế hoạch và bằng 208% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2026 tăng trưởng cao là do công ty khai thác dịch vụ vận tải hàng than quốc tế.

Lợi nhuận trước thuế: 1.725 triệu đồng bằng 40% kế hoạch và bằng 81% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận giảm là do trong 6 tháng đầu năm, Công ty chuyển dịch mặt hàng khai thác, một số mặt hàng chiến lược: Viên gỗ nén, thủ tục hải quan/giám sát hàng nông sản bị sụt giảm sản lượng do thị trường xuất/nhập khẩu của khách hàng biến động. Thêm vào đó, từ tháng 6 năm 2026, Công ty không ghi nhận khoản dịch vụ phí nhân sự từ CICT do CICT chưa thống nhất được phương án chi trả cho các Chủ sở hữu.

b) Lưu chuyển tiền tệ:

Tại ngày 30/06/2026, tiền và tương đương tiền của Công ty 10.474 triệu đồng giảm 2.310 triệu đồng so với ngày đầu năm, các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn > 3 tháng tăng 9.087 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty tiếp tục nhận được nguồn thu từ tiền thuê đất 2,3 ha theo Hợp đồng cho thuê đất và cơ sở hạ tầng trên đất năm 2011.

c) Tình hình tài chính:

STT	Các chỉ tiêu	Cùng kỳ năm 2025	Cùng kỳ năm 2026
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,10	1,35
	+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn:	1,09	1,31
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,48	1,33
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,44	-4,07
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân:	206	163
	+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0,52

STT	Các chỉ tiêu	Cùng kỳ năm 2025	Cùng kỳ năm 2026
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,3%	1,9%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-7,8%	-6,4%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,3%	2,1%
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,9%	2,5%

Đánh giá:

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh: Tăng lên ngưỡng 1,35. Đảm bảo ngưỡng an toàn về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty.

- Biên lợi nhuận ròng: giảm từ 5,3% xuống 1,9% do cơ cấu mặt hàng công ty thay đổi.
- ROA: giữ ổn định ở mức 2-3%
- ROE: Chỉ số âm (-7,8% xuống -6,4%) do vốn chủ sở hữu âm.

2. Một số chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn tại ngày 30/06/2026:

CHỈ TIÊU	Tại ngày 01/01/2026		Tại ngày 30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng tài sản	56.088.242.101	100	64.220.010.531	100
+ Tài sản ngắn hạn	24.995.363.823	44	33.773.629.006	52
+ Tài sản dài hạn	31.092.878.278	56	30.446.381.525	48
Tổng nguồn vốn	56.088.242.101	100	64.220.010.531	100
+ Nợ phải trả	78.360.073.360	140	85.158.601.726	133
- Nợ ngắn hạn	23.290.965.790	41	25.089.494.156	39
- Nợ dài hạn	55.069.107.570	99	60.069.107.570	94
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	-22.271.831.259	-40	-20.938.591.195	-32
- Vốn góp của chủ sở hữu	365.050.000.000	651	365.050.000.000	568
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-401.325.567.355	-715	-399.992.327.291	-623

Đánh giá:

Tổng tài sản của CPI tại thời điểm 30/06/2026 là: 64.220 triệu đồng, tăng 8.132 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 33.773 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 52% tổng tài sản, tăng 8.778 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Tài sản dài hạn là 30.446 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 48% tổng tài sản, giảm 646 triệu đồng so với thời điểm đầu năm do khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 473.213 triệu đồng cao hơn 8 lần tổng tài sản. Đây là giá trị các khoản đầu tư góp vốn của CPI tại Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân (CICT).

Tài sản cố định là: 1.241 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 2% tổng tài sản.

Nguồn vốn tại thời điểm 30/06/2026 giảm âm 1.333 triệu đồng so với thời điểm đầu năm, trong đó: Nợ phải trả là 85.158 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 133% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu âm 20.938 triệu đồng (vốn góp của chủ sở hữu là 365.050 triệu đồng và lỗ lũy kế 399.992 triệu đồng).

3. Tình hình thực hiện công tác tái cơ cấu:

3.1. Công tác sắp xếp, đổi mới và cổ phần hóa doanh nghiệp:

Công ty thực hiện đổi mới quản trị doanh nghiệp, sắp xếp và tinh gọn bộ máy tổ chức để hoạt động đi vào chiều sâu, hiệu quả, cụ thể: (1) Thực hiện phân cấp, phân quyền tới các bộ phận sản xuất, đảm bảo công tác chỉ đạo khai thác nhanh, phù hợp với tình hình thực tế. (2) Tiếp tục tái cấu trúc hoạt động đội xe.

3.2. Công tác xử lý nợ:

Chấp thuận chủ trương giải quyết thanh toán cho TransVina để xử lý khoản công nợ vận chuyển hàng container bằng sà lan năm 2018. Công ty xây dựng kế hoạch thanh toán trong vòng 10 năm. Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đã thanh toán 50 triệu đồng. Hiện tại công nợ của TransVina và CPI: 1.386 triệu đồng

4. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước:

4.1. Tình hình đầu tư/ thanh lý tài sản:

a) Đầu tư tài sản:

Công ty không đầu tư Tài sản

b) Thanh lý tài sản:

Công ty đang thực hiện quy trình thanh lý 02 đầu kéo và 03 rơ móc trong đội xe container của Công ty.

c) Khấu hao tài sản:

CPI thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Chi phí khấu hao đã trích trong kỳ 563 triệu đồng:

- Tài sản cố định hữu hình với giá trị 163 triệu đồng, bao gồm: Vỏ container, sơmi rơ moóc, xe ô tô con, thùng container cải huấn.
- Tài sản cố định vô hình với giá trị 12 triệu đồng là phần mềm kế toán Fast.
- Bất động sản đầu tư với giá trị 387 triệu đồng là giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng của mảnh đất 2,3 ha cho CICT thuê.

4.2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

a) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của CPI tại thời điểm 30/06/2026 là 473.213 triệu đồng đầu tư vào Công ty TNHH cảng công ten nơ quốc tế Cái Lân (CICT). Trong 6 tháng đầu năm 2026, CICT ghi nhận lãi 69.189 triệu đồng.

b) Kết quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn góp:

Đơn vị: Tr.đồng

TT	Tên công ty có vốn góp	Lợi nhuận trước thuế		Cổ tức	
		Cùng kỳ năm 2025	Cùng kỳ năm 2025	Năm 2025	Năm 2026
1	2	3	4	5	6
1	Công ty TNHH cảng công ten nơ quốc tế Cái Lân	-36.834	69.189	0	0

4.3. Tình hình huy động vốn:

Trong năm công ty không thực hiện huy động vốn.

4.4. Về quản lý công nợ:

a. Tình hình công nợ phải thu:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2026		Tại ngày 30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.592.851.305	76	13.009.182.889	78
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.064.414.479	95	12.684.610.070	98
Trả trước cho người bán ngắn hạn	290.728.707	3	109.924.678	1
Phải thu về cho vay ngắn hạn	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn khác	2.497.424.397	22	2.474.364.419	19
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-2.259.716.278	-20	-2.259.716.278	-18
Tài sản thiếu chờ xử lý	0		0	
II. Các khoản phải thu dài hạn	3.680.400.000	24	3.684.400.000	22
Phải thu về cho vay dài hạn	0		0	
Phải thu dài hạn khác	3.680.400.000	100	3.684.400.000	100
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi				
Tổng nợ phải thu (= I + II)	15.273.251.305	100	16.693.582.889	100

Đánh giá:

Tổng số nợ phải thu tại ngày 30/06/2026 là: 16.693 triệu đồng, tăng 1.420 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 1.620 triệu đồng so với đầu năm chủ yếu do khoản phải thu khách hàng tăng.

Tổng nợ xấu tại thời điểm 30/06/2026 là: 2.260 triệu đồng.

b. Tình hình nợ phải trả:*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2026		Tại ngày 30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	23.290.965.790	30	25.089.494.156	29
Phải trả người bán ngắn hạn	18.481.297.935	79	20.803.393.482	24
Người mua trả trước ngắn hạn	84.531.202	0	84.531.202	0
Thuế và các khoản phải nộp NN	350.333.460	2	389.983.413	0
Phải trả người lao động	173.336.033	1	282.887.667	0
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.883.619.071	8	2.330.586.903	3
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.660.948.836	7	830.474.448	1
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
Phải trả ngắn hạn khác	655.177.961	3	365.915.749	0
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	1.721.292	0	1.721.292	0
Nợ trả dài hạn	55.069.107.570	78	60.069.107.570	71
Chi phí phải trả dài hạn	13.454.306.662	27	13.454.306.662	16
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	38.150.360.908	67	43.150.360.908	51
Phải trả dài hạn khác	3.464.440.000	6	3.464.440.000	4
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0	0	0
Nợ phải trả	78.360.073.360	100	85.158.601.726	100

Đánh giá:

Tổng số nợ phải trả tại ngày 30/06/2026 là: 85.158 triệu đồng. Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 25.089 triệu đồng chiếm 29%, chủ yếu là khoản công nợ phải trả nhà cung cấp 20.803 triệu đồng.

+ Nợ dài hạn: 60.069 triệu đồng chiếm 71%, bao gồm 03 khoản: (1) Thuế đất phải trả 13.454 triệu đồng liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 15,5 ha mà CPI đã góp vốn đầu tư vào CICT; (2) Doanh thu chưa thực hiện 43.150 triệu đồng liên quan đến Hợp đồng cho CICT thuê mảnh đất 2,3 ha; (3) khoản đặt cọc thuê kho.

Doanh thu chưa thực hiện năm 2026 tăng so với đầu năm là do CICT tiếp tục thanh toán 5 tỷ đồng trong 15 tỷ đồng còn lại.

5. Tình hình bảo lãnh tại các doanh nghiệp

Không có

6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật

6.1. Chính sách quản lý, sử dụng lao động.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty thực hiện công tác quản lý và sử dụng lao động theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế nội bộ đã được ban hành.

Công ty đã rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nhân sự nhằm chuẩn hóa công tác quản lý lao động, trong đó đã ban hành và áp dụng Quy chế quản trị nhân sự, Quy chế lương 3Ps, cùng các quy trình quản lý nội bộ liên quan đến tuyển dụng, bố trí và đánh giá nhân sự.

Việc tuyển dụng, bố trí và sử dụng lao động được thực hiện theo nhu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đúng quy trình và minh bạch. Trong 6 tháng đầu năm 2026, công ty đã thực hiện quy trình tuyển dụng 02 nhân viên marketing&chăm sóc khách hàng; 01 nhân viên hành chính nhân sự; 01 cán bộ phụ trách bộ phận kinh doanh vận tải và 01 nhân viên kinh doanh vận tải. Thực hiện quy trình miễn nhiệm Phó trưởng phòng Đầu tư kinh doanh; thông báo và quyết định chấm dứt HĐLĐ với 02 nhân viên hết hạn hợp đồng; quyết định chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn với 02 nhân viên (theo nguyện vọng cá nhân). Quyết định bổ nhiệm tạm thời 01 cán bộ giữ chức vụ người quản trị công ty kiêm thư ký HĐQT.

Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo chuyên môn, kỹ năng, góp phần nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên và đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Nhìn chung, công tác quản lý và sử dụng lao động tại Công ty được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6.2. Thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng lao động với người lao động theo đúng quy định của Bộ luật Lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ nhân viên.

Quỹ lương kế hoạch năm 2026 là 5.698 triệu đồng; quỹ lương chi 6 tháng đầu năm là 2.120 triệu đồng, bằng 113% so với cùng kỳ năm 2025. Thu nhập bình quân đạt 16,5 triệu đồng/người/tháng, bằng 106% so với cùng kỳ năm 2025.

Các chế độ phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động được Công ty quan tâm thực hiện thông qua các hoạt động hỗ trợ, động viên và tạo môi trường làm việc ổn định, gắn kết.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc và ứng dụng công nghệ mới cho cán bộ nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp cho người lao động.

Nhìn chung, các chế độ, chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động

6.3. Việc thực hiện các kiến nghị tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Công ty không phát sinh cuộc thanh, kiểm tra của các cơ quan nhà nước.

6.4. Tình hình thực hiện kiến nghị của Bộ ngành, VIMC:

Thực hiện nội dung công văn số 442/HHVN-CB&DVHH ngày 06/4/2026 về việc nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của CPI: Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, được tổ chức vào ngày 23/4/2026. Người đại diện phần vốn của VIMC tại CPI đã biểu quyết thông qua những nội dung theo công văn số 442/HHVN-CB&DVHH ngày 06/4/2026. HĐQT đã ban hành Nghị quyết:

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026;

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2025, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026;

- Thông qua thù lao thực hiện năm 2025, kế hoạch thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

- Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

6.5. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT; Kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty:

Công ty thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động quản trị và điều hành theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của doanh nghiệp.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đã triển khai theo Quy trình công bố thông tin nội bộ, nhằm đảm bảo việc cung cấp và chia sẻ thông tin trong doanh nghiệp được thực hiện kịp thời, minh bạch và đúng quy định. Các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các quy định quản lý nội bộ được công bố đầy đủ theo quy định.

Bên cạnh đó, Công ty tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị và điều hành thông qua việc sử dụng các phần mềm quản lý, hệ thống thông tin nội bộ và chữ ký số trong giao dịch với đối tác, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong hoạt động của doanh nghiệp.

Nhìn chung, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và uy tín của Công ty đối với cổ đông, đối tác và người lao động.

6.6. Tình hình công khai, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp:

Là Công ty cổ phần với hơn 1.000 cổ đông, CPI thực hiện đúng, đủ trong công tác công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.

Những người đại diện phần vốn VIMC tại CPI trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-KT

NHỮNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN



Đỗ Đức Ân

Trần Thị Kiều Oanh

Đoàn Ngọc Tú

Tài liệu kèm theo:

- Phụ lục số 02A. Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB.
- Phụ lục số 02B. Tình hình đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư tài chính.
- Phụ lục số 02C. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2024.
- Phụ lục số 02Đ. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2024.

Biểu 02.A

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

6 tháng đầu năm 2026

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến 30/6/2026 (triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 30/6/2026 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (triệu đồng)
			Tổng (tỷ đồng)	Vốn tự có (tỷ đồng)	%	Vốn huy động (tỷ đồng)	%		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2026	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2026	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
B	Các dự án nhóm B																	
C	Các dự án nhóm C																	
1																		
2																		
3																		
4																		

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CẢNG CẢI LÂN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH 6 THÁNG 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Biểu 02 B
(Ban hành kèm theo Thông tư số
200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015
của Bộ Tài chính)

[illegible]

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Biểu 02.C
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG 2026

Nội dung	ĐVT	Cùng kỳ năm 2024	Cùng kỳ năm 2025	Năm 2026		Biến động so với (tỷ lệ %)		
				Kế hoạch năm	Thực hiện đến 30/6/2026	Cùng kỳ năm 2024	Cùng kỳ năm 2025	Kế hoạch năm
		[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
B. Chi tiêu tài chính								
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	19,919	33,289	79,172	69,202	347%	208%	87%
2. Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	17,765	29,422	71,528	65,812	370%	224%	92%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	2,154	3,867	7,644	3,390	157%	88%	44%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	9	20	240	148	1644%	740%	62%
5. Chi phí tài chính	Triệu đồng	13	-	-		0%		
6. Chi phí bán hàng	Triệu đồng	-	-	-				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	1,761	1,575	4,178	1,813	103%	115%	43%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	389	2,312	3,706	1,725	443%	75%	47%
9. Thu nhập khác	Triệu đồng	941	2	260	-	0%	0%	0%
10. Chi phí khác	Triệu đồng	89	182	-	-	0%	0%	
11. Lợi nhuận khác	Triệu đồng	852	(180)	594	-	0%	0%	0%
12. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1,241	2,132	4,300	1,725	139%	81%	40%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	88	363	861	392	445%	108%	46%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Triệu đồng		-	-	-			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	Triệu đồng	1,153	1,769	3,439	1,333	116%	75%	39%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Biểu 02.Đ
*(Ban hành kèm theo Thông tư
số 200/2015/TT-BTC ngày
15/12/2015 của Bộ Tài chính)*

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN 6 THÁNG 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	351	1,688	1,649	390
- Thuế GTGT		863	863	-
- Thuế TNDN	151	392	237	306
- Thuế Xuất, nhập khẩu				
- Thuế đất/ tiền thuê đất				
- Thuế TNCN	200	433	549	84
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác				
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí				
- Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp NSNN khác (nếu có)				